

Bản án số: 83/2017/HN-ST

Ngày: 28/9/2017

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà: **Đặng Thị Thu Thảo** – Phó chủ nhiệm UBKT Thị ủy Cai Lậy

2/ Ông: **Lê Văn Chính** – Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã Cai Lậy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Lê Quế Thanh** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Do quen biết trước bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phước Tây, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 ngày 25 tháng 5 năm 2004. Sau khi cưới về sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, ông H không lo làm ăn để lo cho vợ con mà thường hay đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập vợ, con nhiều lần; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2011. Đến cuối năm 2014 bà T có nộp đơn ra Tòa án thị xã Cai Lậy để xin ly hôn với ông H, sau đó bà T rút đơn để ông H có sửa đổi tính

tình và lo làm ăn để lo cho vợ, con hay không, nhưng ông H không chịu sửa đổi tánh tình và lo làm ăn để lo cho vợ, con. Nay bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông H, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 20/10/1989, Nguyễn Thị Diễm Th, sinh ngày 16/8/1990, Nguyễn Thị Diễm Ch, sinh ngày 15/6/1994, Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/3/2003. Hiện cháu Ph, cháu Th, cháu Ch đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu giải quyết; riêng đối với cháu B, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; về con chung giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/3/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do phía bà T chưa có yêu cầu; về tài sản chung theo bà T để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét để giải quyết; về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H. Xét thấy, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông H.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Xét thấy, bà T và ông H về sống chung với nhau vào đầu năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phước Tây, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 ngày 25 tháng 5 năm 2004. Sau khi cưới về sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông H không làm ăn để lo cho vợ con mà thường hay đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập vợ, con nhiều lần; nên vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2011 cho đến cuối năm 2014

đoạn tụ lại nhưng sống không hạnh phúc và đến tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông H, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Còn ông H thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía ông H đến để hòa giải về việc bà T xin ly hôn với Hồng. Nếu như về tình cảm vợ chồng ông H muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì ông H phải đến Tòa án để gặp bà T, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không, nhưng phía ông H không đến, thể hiện ông H không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với bà T nữa. Hơn nữa, trước đây vào năm 2014 bà T có nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với ông H. Sau đó bà T rút đơn lại để xem ông H có sửa đổi tánh tình và lo làm ăn để lo cho vợ con hay không, nhưng ông H không chịu sửa đổi tánh tình cũng như lo làm ăn để lo cho vợ con, nên bà T tiếp tục nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với ông H. Hơn nữa, giữa bà T và ông H đã ly thân nhau từ cuối năm 2011, cho đến cuối năm 2014 đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc mà tiếp tục ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05 năm 2017 cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Có 04 con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 20/10/1989, Nguyễn Thị Diễm Th, sinh ngày 16/8/1990, Nguyễn Thị Diễm Ch, sinh ngày 15/6/1994, Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/3/2003. Hiện cháu Ph, cháu Th và cháu Ch đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra yêu cầu giải quyết; riêng đối với cháu B, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà T là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, qua tham khảo lời khai của cháu B cũng có nguyện vọng xin được sống chung với bà T, khi bà T và ông H ly hôn nhau. Hơn nữa, cháu B cũng do bà T nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt; nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/3/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Theo bà T khai để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu giải quyết, còn ông H vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này giữa ông H và bà T không thỏa thuận được và có tranh chấp với nhau thì ông H, bà T được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Theo bà T khai không có.

- *Về án Phí*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/3/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa có yêu cầu. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000928 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên bà T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn H thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THAD thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Phước Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn